

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN NGỌC NGOẠN, NGUYỄN THỊ HUYỀN THU (Đồng chủ biên, 2022), **Vai trò của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường ở làng nghề Việt Nam**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 284 tr.

Làng xã Việt Nam là nơi lưu truyền nghề truyền thống với các sản phẩm mang đậm nét văn hóa độc đáo vùng miền. Kinh tế làng nghề đã có nhiều đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển của đất nước nhưng bên cạnh đó cũng bộc lộ nhiều vấn đề về môi trường. Để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng làng nghề trong bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng thì vai trò của văn hóa cộng đồng là rất quan trọng. Sách gồm 4 chương.

Chương 1 trình bày một số vấn đề lý thuyết về văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề.

Chương 2 phân tích thực trạng vai trò của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề qua nguyên tắc ứng xử (quy ước, hương ước và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường) và phương thức ứng xử (ý thức, hành vi của cộng đồng trong bảo vệ môi trường) của cộng đồng. Trên cơ sở đó, đánh giá những mặt tích cực và hạn chế về vai trò này.

Chương 3 làm rõ các yếu tố khách quan (văn hóa truyền thống, vai trò của quản lý nhà nước/các tổ chức xã hội) và chủ quan (giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm trong nghề, quy mô của cơ sở sản xuất/làm nghề, đối tượng) tác động đến văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề.

Chương 4 đề xuất giải pháp tăng cường vai trò và giá trị xã hội của văn hóa

cộng đồng trong bảo vệ môi trường ở các làng nghề.

TA.

NGUYỄN HỮU SƠN (2022), **Du ký các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 304 tr.

Cuốn sách được hình thành trên cơ sở kết quả đề tài cấp Bộ “Du ký các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX (Nhìn từ hệ vấn đề chủ quyền - lịch sử - văn hóa)”, do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì (2018-2019). Với hướng tiếp cận văn học sử một cách khoa học và hệ thống, việc nghiên cứu biển đảo từ thể loại du ký góp phần vào việc tuyên truyền, khẳng định chủ quyền biển đảo trong lịch sử, đồng thời nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch biển đảo cũng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái biển là hết sức cấp thiết hiện nay. Đây là nguồn sử liệu đặc biệt phong phú, tích hợp các giá trị minh chứng lịch sử, địa - văn hóa, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, ý thức về chủ quyền và niềm tự hào về các địa danh lịch sử, chiến công, danh lam thắng tích, môi trường sinh quyển tự nhiên và đời sống xã hội người dân vạn chài.

Ngoài chương 1 tổng quan tình hình tư liệu và định hướng nghiên cứu, nội dung chính của cuốn sách được trình bày trong 4 chương, tập trung tìm hiểu những tiền đề ý thức chủ quyền, cơ sở văn hóa - xã hội của sự hình thành thể tài du ký các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX; nghiên cứu quá trình phát triển thể tài du ký và vấn đề ý thức chủ quyền các vùng biển đảo Việt Nam trong thời kỳ này; phân tích các phương diện lịch sử, văn hóa, xã hội và du

lịch cũng như đánh giá vai trò chủ thể tác giả, đặc tính hỗn dung thể loại và giá trị sử liệu của loại du ký các vùng biển đảo Việt Nam đầu thế kỷ XX.

TK.

NGHIÊM TUÂN HÙNG (Chủ biên, 2022), **Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư: Những tác động đến quan hệ quốc tế**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 293 tr.

Giống như các cuộc cách mạng trước đó, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang tác động đến các yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo ra những trung tâm quyền lực mới cũng như những thay đổi căn bản trong quan hệ quốc tế. Mặc dù nhân loại mới bước vào giai đoạn đầu của cuộc CMCN 4.0 nhưng các quốc gia đã sớm bắt tay vào một cuộc chiến công nghệ. Việc các cường quốc sử dụng công nghệ tranh giành ảnh hưởng toàn cầu không còn quá mới mẻ, nhưng cuộc chiến tranh giành vị trí “bá chủ kỹ thuật số” hứa hẹn đánh dấu một kỷ nguyên mới của trật tự thế giới. Quy mô, mức độ cũng như tốc độ đầu tư của các cường quốc hàng đầu thế giới vào phát triển các công nghệ tiên tiến của CMCN 4.0 đã làm nảy sinh một số vấn đề trong quan hệ quốc tế. Đánh giá những tác động của CMCN 4.0 đối với quan hệ quốc tế, nội dung sách chỉ rõ có những tác động trực quan và thấy rõ, có những tác động mang tính dự báo và còn chờ tương lai kiểm chứng. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 khái quát bối cảnh quốc tế của CMCN 4.0, các lĩnh vực thuộc CMCN 4.0 và các khía cạnh của quan hệ quốc tế.

Chương 2 đánh giá tác động của CMCN 4.0 đến những khía cạnh của quan hệ quốc tế như chính trị và chủ quyền quốc gia, tương quan quyền lực giữa các chủ thể, cạnh tranh - xung đột và hợp tác quốc tế, trật tự thế giới.

Chương 3 đề cập đến những chính sách ứng phó của một số quốc gia như Mỹ, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Thái Lan trước tác động của CMCN 4.0 đến quan hệ quốc tế.

TV.

VÕ THỊ MINH LỆ (Chủ biên, 2022), **An ninh nguồn nước của khu vực tiểu vùng sông Mêkông mở rộng**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 390 tr.

Trong những năm qua, khan hiếm nguồn nước ở khu vực Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (GMS) đã hủy hoại sinh kế của cộng đồng địa phương, nhất là bộ phận người dân phụ thuộc lớn vào nguồn nước, làm tổn thương hệ sinh thái sông Mêkông và làm trầm trọng thêm nhiều vấn đề kinh tế - xã hội và an ninh - chính trị khác. Đe dọa mất an ninh nguồn nước có thể tạo ra các tác động dây chuyền và “hiệu ứng domino” ảnh hưởng tới an ninh lương thực, an ninh năng lượng, tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, và mở rộng hơn là hòa bình, hợp tác và thịnh vượng ở khu vực. Nằm ở hạ nguồn sông Mêkông, Việt Nam đang rơi vào thế bất lợi hơn so với các nước GMS trong công tác đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia khi các nước thành viên của khu vực chưa tìm được tiếng nói chung trong vấn đề chia sẻ lợi ích đối với nguồn tài nguyên nước. Nội dung sách tìm hiểu thực trạng an ninh nguồn nước của khu vực GMS, kinh nghiệm quốc tế về đảm bảo an ninh nguồn nước, từ đó đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cho khu vực GMS nói chung và Việt Nam nói riêng.

Sách gồm 4 chương: *Chương 1* trình bày cơ sở lý luận về an ninh nguồn nước. *Chương 2* phân tích thực trạng an ninh nguồn nước và các nhân tố ảnh hưởng đến an ninh nguồn nước cũng như kinh nghiệm trong đảm bảo an ninh nguồn nước của khu vực Bắc Phi và Trung Đông. *Chương 3*

đánh giá thực trạng đảm bảo an ninh nguồn nước của khu vực GMS. *Chương 4* làm rõ những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong việc đảm bảo an ninh nguồn nước.

QT.

BÙI MINH HÀO (2022), **Vốn văn hóa trong phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số**, Nxb. Đại học Vinh, Nghệ An, 403 tr.

Trên phương diện là tích hợp các giá trị, kinh nghiệm và tri thức của con người trong quá trình sinh tồn và phát triển, vốn văn hóa là một nguồn lực quan trọng cho các cộng đồng, cá nhân. Nội dung cuốn sách tập trung phân tích những hành vi kinh tế và động thái phát triển của những con người, những cộng đồng cụ thể vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trong quá trình vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường.

Sách gồm 8 chương. Chương 1 giới thiệu khái niệm, phương pháp tiếp cận, làm rõ vai trò của vốn văn hóa trong phát triển kinh tế. Chương 2 giới thiệu khung phân tích, đồng thời trình bày thực trạng vốn văn hóa vùng DTTS ở nước ta, ở các khía cạnh: vốn văn hóa cộng đồng, vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế, mạng lưới xã hội. Chương 3 thảo luận về lịch sử hình thành và phát triển của kinh tế thị trường vùng DTTS. Các chương 4, 5, 6, 7 phân tích bốn lĩnh vực kinh tế thị trường được người dân vùng DTTS vận dụng vốn văn hóa vào phát triển một cách rõ nét nhất, gồm: nông nghiệp, thủ công nghiệp, du lịch cộng đồng, y học cổ truyền; trong cơ cấu kinh tế hay sinh kế của các cộng đồng vùng DTTS, sự thể hiện của các lĩnh vực này đậm nhạt khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh cộng đồng. Những phân tích này không tập trung vào những bối cảnh rộng lớn mà chủ yếu dành nhiều sự quan tâm đến hành vi kinh tế cũng như động thái phát

triển của các trường hợp cụ thể. Chương 8 đưa ra một số thảo luận về vấn đề vốn văn hóa và phát triển bền vững.

HOÀI PHÚC

NGUYỄN LINH GIANG (Chủ biên, 2022), **Cơ sở lý luận và thực tiễn về hạn chế quyền con người ở Việt Nam hiện nay**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 203 tr.

Trong lý luận về quyền con người, có những quyền tuyệt đối, bất khả xâm phạm trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên, phần lớn các quyền con người khác đều là các quyền có thể bị hạn chế hoặc bị thoái lui nghĩa vụ trong các tình huống khẩn cấp. Vì thế, hạn chế quyền con người là việc làm cần thiết và được phép theo các quy định của pháp luật quốc tế về quyền con người. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã lần đầu tiên ghi nhận nguyên tắc hạn chế quyền con người: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (khoản 2 Điều 14). Tuy đây là một nguyên tắc hết sức tiến bộ song việc áp dụng trên thực tế không đơn giản vì tính trừu tượng của nó.

Nội dung sách được trình bày trong 4 chương. Chương 1 phân tích những vấn đề lý luận (khái niệm, phân loại, phương pháp xác định, nguyên tắc căn bản) về hạn chế quyền con người. Chương 2 trình bày và phân tích các quy định của luật pháp quốc tế (các công ước quốc tế, các công ước khu vực về nhân quyền,...) về nguyên tắc hạn chế quyền con người. Chương 3 tập trung phân tích các nguyên tắc hạn chế quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam. Trên cơ sở đó, Chương 4 luận giải và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện cơ chế liên quan đến hạn chế quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

HOÀI PHÚC